

Số: 01/2024/QĐST-VLĐ

T P, ngày 31 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**  
**V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T P, TỈNH B T**

**Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kiên U

Thư ký phiên họp: Bà Mai Bích Hà V - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P, tỉnh B T tham gia phiên họp: Bà Võ Thị Bích N - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 01/2024/TLST-VLĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về yêu cầu “ Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp số: 03/2024/QĐPH-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Mai Thị T1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T T 02, xã P P, huyện T P, B T. (Có đơn xin vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty cổ phần may B T-N B; Địa chỉ: số 204 Thống Nhất, phường T T, thị xã L G, tỉnh B T. Người đại diện theo pháp luật ông: Lê Thanh H- Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện theo Ủy quyền ông: Phạm Văn K- Chức vụ: Giám đốc CN Công ty Cổ phần May B T – N B – Xí nghiệp May T P (tên trước đây CN Công ty cổ phần May P Đ-Xí nghiệp May T P). (Theo Văn bản ủy quyền số 35/2013/NBT ngày 02/01/2013);

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Bắc T P, Thôn L T, Xã P L, Huyện T P, Tỉnh B T, Việt Nam.

Ủy quyền lại cho bà Lê Thị Thu T- Chức vụ: Phụ trách phòng tổ chức Hành chính.(Theo Văn bản ủy quyền số 06/2022/GUQ ngày 16/5/2024).

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh B T

Địa chỉ: KDC Bắc X A, phường X A, thành phố P T, tỉnh B T. Đại diện theo pháp luật ông Phạm Xuân T - chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền cho ông Huỳnh Trung C - Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện T P.

3. Bà Mai Thị Kim Y, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T T 02, xã P P, huyện T P, B T. (Có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai của chị Mai Thị T1 thể hiện:*

Vào tháng 7/2011, bà Mai Thị Kim Y là em ruột của chị tự ý lấy bộ hồ sơ cá nhân của chị (Mai Thị T1) trong đó có lấy chứng minh nhân dân số: 261195190 ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần May B T-N B tại CN Công ty Cổ phần May B T – N B – Xí nghiệp May T P (tên trước đây CN Công ty cổ phần May P Đ-Xí nghiệp May T P) , địa chỉ: Xóm 4, xã P L, huyện T P, tỉnh B T.

Trong thời gian này chị cũng ký hợp đồng lao động và làm việc từ ngày 07/12/2009 đến ngày 01/4/2023 với Công ty TNHH POUYEN thì nghỉ việc. Thời gian chị làm Công ty TNHH POUYEN và có tham gia đóng Bảo hiểm xã hội mã số: 7910070318.

Thời gian chị Y làm việc tại CN Công ty Cổ phần May B T – N B – Xí nghiệp May T P và đóng bảo hiểm từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 với mã số BHXH: 6011006076. Trên cơ sở hồ sơ bảo hiểm xã hội mang tên chị Mai Thị T1 mã số BHXH: 6011006076 thì sau khi nghỉ việc thì chị Y có làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm một lần từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 với số tiền 2.126.017 đồng.

Chị xin chốt Bảo hiểm xã hội thì được biết bị đóng trùng bảo hiểm từ 07/2011 đến tháng 01/2012 do chị Mai Thị Kim Y đã dùng hồ sơ tư pháp của chị tham gia bảo hiểm xã hội nên không chốt được.

Nay chị yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa chị (Mai thị T1) do chị Mai Thị Kim Y lấy hồ sơ tư pháp ký với Công ty Cổ phần may B T-N B từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 vô hiệu và thoái thu số tiền bảo hiểm xã hội trong thời gian đóng trùng theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh B T. Chị

cho rằng đã vi phạm điều cấm về gian dối được quy định trong luật Lao động.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 5 năm 2024 chị Mai Thị Kim Y khai như sau:*

Vào tháng 7/2011, chị có lấy chứng minh nhân dân của bà (Mai Thị T1) là chị ruột của chị có số chứng minh nhân dân 261195190 để ký hợp đồng tại CN Công ty Cổ phần May B T – N B – Xí nghiệp May T P (tên trước đây CN Công ty cổ phần May P Đ-Xí nghiệp May T P), địa chỉ: xóm 4, xã P L, huyện T P, tỉnh B T.

Chị làm việc và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 thì nghỉ việc không làm nữa mà vào Sài Gòn làm công ty khác. Trên cơ sở hồ sơ bảo hiểm mang tên chị Mai Thị T1 mã số BHXH: 6011006076 thì sau khi nghỉ việc thì chị có làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 với số tiền 2.126.017 đồng, chị nhận tiền vào ngày 10/5/2013 (theo Quyết định số: 02214/QĐ-BHXH, ngày 10/5/2013 của Bảo Hiểm xã hội huyện T P).

Cũng trong thời gian chị đóng bảo hiểm xã hội thì Bà T1 cũng ký hợp đồng lao động vào khoảng 12/2009 tại Công ty TNHH POUYEN.

Nay bà T1 xin chốt Bảo hiểm xã hội thì được biết bị đóng trùng bảo hiểm từ 07/2011 đến tháng 01/2012 nên không chốt được.

Chị đã nghỉ việc và nhận tiền bảo hiểm xong, nay bà T1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động của bà Mai Thị T1 (do chị ký hợp đồng) với Công ty cổ phần May B T-N B từ 07/2011 đến tháng 01/2012 vô hiệu thì chị đồng ý.

Đại diện Công ty cổ phần may B T - N B cung cấp: Hợp đồng lao động số 02017/HĐ-MTP được ký kết giữa công ty Công ty cổ phần May B T - N B và chị Mai Thị T1 thì tại thời điểm ký hợp đồng lao động công ty không phát hiện được người có tên trên hồ sơ là Mai Thị T1 với người trực tiếp ký hợp đồng và tham gia lao động tại công ty lại là chị Mai Thị Kim Y. Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm cho chị Mai Thị Kim Y nhưng hồ sơ là Mai Thị T1 (Số bảo hiểm số: 6011006076) theo quy định từ tháng 7/ 2011 đến tháng 01/2012. Việc chị Mai Thị Kim Y mượn hồ sơ của Mai Thị T1 để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động. Vì vậy quan điểm của công ty nhất trí đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký giữa Công ty cổ phần May B T - N B với chị Mai Thị T1 vô hiệu.

Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh B T cung cấp: Qua rà soát dữ liệu về khai báo đóng bảo hiểm xã hội, phát hiện trường hợp chị Mai Thị T1, sinh năm

1991 (Địa chỉ: thôn T T 2, xã P P, huyện T P, tỉnh B T) trong thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 01/2012, chị T1 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại 02 Công ty: Công ty cổ phần may B T - N B (số sổ bảo hiểm xã hội là 6011006076) và Công ty TNHH POUYEN (số sổ bảo hiểm 7910070318). Để đảm bảo quyền lợi của người lao động, đảm bảo việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, Bảo hiểm xã hội tỉnh B T đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa Công ty Cổ phần may B T - N B với chị Mai Thị T1 (do chị Yên mượn hồ sơ) là vô hiệu.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P, tỉnh B T phát biểu ý kiến tại phiên họp:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc lao động và Thư ký phiên họp: Từ khi thụ lý việc lao động cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc lao động, Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc lao động và Thư ký phiên họp đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 đến Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý việc lao động cho đến trước thời điểm Thẩm phán, Hội đồng ra quyết định giải quyết việc lao động, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Mai Thị T1, Mai Thị Kim Y và Công ty Cổ phần may B T-N B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc lao động vắng mặt chị Mai Thị T1, Mai Thị Kim Y và Công ty Cổ phần may B T - N B là đúng quy định.

Ý kiến giải quyết về nội dung việc lao động: Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 BLTTDS 2015; Điều 122, Điều 132 BLDS 2015; Điều 6, Điều 30 Bộ Luật lao động năm 1994; Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ Luật lao động năm 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị T1: Tuyên bố hợp đồng lao động ký tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 giữa Công ty cổ phần May Xí nghiệp B T - Nhà Bè với bà Mai Thị T1 (do bà Mai Thị Kim Y mượn hồ sơ để ký) là vô hiệu toàn bộ.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: bà Mai Thị Kim Y (lấy tên bà Mai Thị T1) đã nhận chế độ BHXH một lần với số tiền 2.126.017 đồng phải

trả lại cho Bảo hiểm xã hội. Đồng thời Bảo hiểm xã hội phải thoái thu thời gian đóng trùng đóng bảo hiểm xã hội từ 07/2011 đến tháng 01/2012 của sổ bảo hiểm số 6011006076 mang tên Mai Thị T1 cấp tại CN Công ty cổ phần May P Đ - Xí nghiệp May T P (nay là Công ty xí nghiệp May N B) trả lại cho người lao động thực tế là bà Mai Thị Kim Y.

- Về lệ phí: bà Mai Thị T1 phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T P nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hợp đồng lao động mà chị Mai Thị T1 yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết tại CN Công ty cổ phần May P Đ-Xí nghiệp May T P (nay là Công ty xí nghiệp May N B) có Trụ sở: thôn L T, xã P L, huyện T P, tỉnh B T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 1 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người yêu cầu; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị T1, Mai Thị Kim Y và Công ty Cổ phần may B T-N B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của chị Mai Thị T1 đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty Cổ phần may B T-N B và chị Mai Thị T1 (do chị Mai Thị Kim Y lấy hồ sơ tư pháp của chị T1 để ký hợp đồng) là vô hiệu.

Xét thấy: Việc chị Y sử dụng hồ sơ tư pháp của chị T1 để giao kết hợp đồng lao động số 02017/MH-MTP với Công ty Cổ phần may B T-N B là giả mạo, gian dối khi giao kết hợp đồng. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chị T1 và vi phạm quy định của Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

Vì vậy, lời trình bày của chị T1 phù hợp với các nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập được thể hiện tài các tài liệu, chứng cứ. Từ các nhận định trên xét thấy: Yêu cầu của chị T1 tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty Cổ phần may B T-N B và chị T1 (do chị Y lấy hồ sơ của chị T1 để ký hợp đồng) từ tháng 7/2011 đến tháng 01/2012 là vô hiệu toàn

bộ là có căn cứ chấp nhận.

Về hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu: Công ty CP may B T-N B đã đóng bảo hiểm cho chị Y (hồ sơ bảo hiểm là tên bà T1) dẫn đến có thời gian đóng trùng của 02 sổ bảo hiểm, vì vậy cần phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 trả lại cho người lao động thực tế là chị Y là phù hợp. Trên thực tế khi chị Y nghỉ việc thì chị Y (lấy tên bà Mai Thị T1) có làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm một lần từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2012 với số tiền 2.126.017 đồng vào ngày 10/5/2013 nên phải trả lại cho Bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm xã hội phải thoái thu thời gian đóng trùng đóng bảo hiểm xã hội từ 07/2011 đến tháng 01/2012 của sổ bảo hiểm số 6011006076 mang tên Mai Thị T1 trả lại cho người lao động thực tế là chị Mai Thị Kim Y.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Lệ phí việc lao động: Chị Mai Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết sơ thẩm việc lao động, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T1 đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0006815 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T P. Chị Mai Thị T1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc lao động.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 BLTTDS 2015; Điều 122, Điều 132 Bộ luật dân sự 2015; Điều 6, Điều 30 Bộ Luật lao động năm 1994; Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 Luật lao động năm 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T1.

Tuyên bố Hợp đồng lao động số 02017/MH-MTP từ tháng 7/2011 đến tháng 01/2021 ký kết giữa Công ty cổ phần May B T-N B với chị Mai Thị T1 (do chị Mai Thị Kim Y ký hợp đồng) vô hiệu toàn bộ.

2. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Chị Mai Thị Kim Y (lấy tên bà Mai Thị T1) đã nhận chế độ BHXH một lần với số tiền 2.126.017 đồng phải trả lại cho Bảo hiểm xã hội.

Bảo hiểm xã hội phải thoái thu thời gian đóng trùng đóng bảo hiểm xã hội từ 07/2011 đến tháng 01/2012 của sổ bảo hiểm số 6011006076 mang tên Mai Thị T1 trả lại cho người lao động thực tế là chị Mai Thị Kim Y.

3. Lệ phí việc lao động: Chị Mai Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền lệ

phí giải quyết sơ thẩm việc lao động, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T1 đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0006815 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T P. Chị Mai Thị T1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc lao động.

#### 4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

#### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh B T;
- VKSND huyện T P;
- Đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Kiên U**





